

TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

Nguyên tác chữ Hán : ĐẶNG TRẦN CÔN

Bản diễn Nôm : ĐOÀN THỊ ĐIỂM (?)

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

KẾT QUẢ CẢM ĐẠT

- Cảm nhận được nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh cô đơn, chia lìa đôi lứa và hiểu được ý nghĩa đề cao hạnh phúc lứa đôi qua đoạn trích.
- Nắm được nghệ thuật miêu tả nội tâm qua đoạn trích.

TIỂU DẪN

Chinh phụ ngâm, nguyên văn chữ Hán, do Đặng Trần Côn sáng tác. Đặng Trần Côn (chưa rõ năm sinh, năm mất) người làng Nhân Mục, tên nôm là làng Mọc, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Về sáng tác, ngoài tác phẩm chính là *Chinh phụ ngâm*, ông còn làm thơ chữ Hán và viết một số bài phú chữ Hán. Theo các tài liệu lịch sử, đầu đời Lê Hiến Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long. Triều đình cất quân đánh dẹp, nhiều trai tráng phải từ giã người thân ra trận. Đặng Trần Côn cảm động trước nỗi khổ đau mất mát của con người, nhất là những người vợ lính trong chiến tranh, đã viết *Chinh phụ ngâm*. Khúc ngâm này gồm 476 câu thơ làm theo thể trường đoản cú (câu thơ dài ngắn không đều nhau).

Chinh phụ ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi vốn ít được thơ văn các thời kì trước chú ý. Do đó tác phẩm đã được độc giả cùng thời hết sức tán thưởng. Nhiều người còn dịch *Chinh phụ ngâm* sang thơ Nôm (tức thơ tiếng Việt) để khúc ngâm được truyền bá rộng rãi hơn. Bản diễn Nôm hiện hành là bản dịch thành công nhất. Người dịch đã dùng thể thơ song thất lục bát, một thể thơ do người Việt sáng tạo. Với kinh nghiệm này, về sau các khúc ngâm, thán, văn có cảm hứng từ tình hầu hết được viết bằng song thất lục bát.

Vấn đề dịch giả của bản dịch hiện hành vẫn chưa rõ. Có người cho rằng đó là Đoàn Thị Điểm. Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748) hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, trấn Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Hưng Yên); nổi tiếng thông minh từ nhỏ. Bà lập gia đình khá muộn (năm 37 tuổi), chồng bà là Nguyễn Kiều; vừa cưới xong, Nguyễn Kiều đã đi sứ Trung Quốc. Có thể bà đã dịch *Chinh phụ ngâm* trong thời gian này. Bà còn là tác giả của tập truyện chữ Hán *Truyện kì tân phá*.

Lại có thuyết nói dịch giả của *Chinh phụ ngâm* là Phan Huy Ích. Phan Huy Ích (1750 – 1822) tự là Dụ Am, người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh), sau di cư ra làng Sài Sơn, phủ Quốc Oai, nay thuộc Hà Tây; đỗ Tiến sĩ năm 26 tuổi; sáng tác còn có *Dụ Am văn tập*, *Dụ Am ngâm lục*.

Đoạn trích dưới đây thuộc bản dịch hiện hành, viết về tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian dài người chồng đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về.

VĂN BẢN

Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác⁽¹⁾ đòi phen.
Ngoài rèm thướt⁽²⁾ chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chẳng?
Đèn có biết đường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn⁽³⁾ kia với bóng người khá thương.
Gà eo óc gáy sương năm trống⁽⁴⁾,
Hoè⁽⁵⁾ phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại châu chan.
Sắt cầm⁽⁶⁾ gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên⁽⁷⁾ kinh đứt phím loan⁽⁸⁾ ngại chùng.



Ảnh bìa cuốn *Chinh phụ ngâm bị lục*

- (1) *Rủ* : buông xuống. *Thác* : cuốn lên. *Rủ thác đòi phen* : buông xuống cuốn lên nhiều lần.
(2) *Thướt* : chim khách, được coi là loài chim báo tin lành – có khách đến, người đi xa trở về.
(3) *Hoa đèn* : đầu bấc đèn dầu đã cháy thành than nhưng lại được ngọn lửa nung đỏ lên trông như hoa.
(4) *Năm trống* : năm canh (một đêm có năm canh).
(5) *Hoè* : cây hoè.
(6) *Sắt cầm* : đàn cầm và đàn sắt gảy hoà âm với nhau, thường được dùng để ví cảnh vợ chồng hoà thuận. Gượng gảy đàn sắt đàn cầm vì chinh phụ đang trong cảnh cô đơn.
(7) *Dây uyên* : nguyên văn “uyên ương huyền” – dây đàn uyên ương. Một giống chim, *uyên* : chim trống, *ương* : chim mái, thường đi với nhau. “Uyên ương” là biểu tượng cho lứa đôi gắn bó, hoà hợp. Ở đây ý nói sợ làm đứt dây đàn uyên ương vì có thể báo hiệu điều không may (xưa gọi là *sái*) của tình cảm vợ chồng.
(8) *Phím loan* : nguyên văn “loan phượng trụ” – phím đàn loan phượng. *Phượng* : chim trống, *loan* : chim mái. *Loan phượng* cũng là biểu tượng về lứa đôi gắn bó. Ở đây ý nói sợ dây đàn chùng là điềm gở, gọi nên sự không may mắn của lứa đôi đang xa nhau.

Lòng này gửi gió đông⁽¹⁾ có tiện ?
Nghìn vàng⁽²⁾ xin gửi đến non Yên⁽³⁾.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha⁽⁴⁾ lòng,
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

(Theo *Những khúc ngâm chọn lọc*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy chỉ ra các yếu tố ngoại cảnh thể hiện tâm trạng người chinh phụ và ý nghĩa diễn tả nội tâm của các yếu tố đó.
2. Theo anh (chị), những dấu hiệu nào cho thấy nỗi cô đơn của người chinh phụ ?
3. Hãy cho biết vì sao người chinh phụ đau khổ.
- 4*. Xác định những câu thơ là lời của người chinh phụ và cho biết giá trị biểu hiện của nó.
5. Đọc diễn cảm đoạn trích (nếu ngâm được càng tốt). Hãy nhận xét về nhạc điệu của thể thơ song thất lục bát (có so sánh với các thể thơ mà anh (chị) biết).

GHI NHỚ

Đoạn trích miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của nỗi cô đơn, buồn khổ ở người chinh phụ khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

LUYỆN TẬP

Hãy vận dụng các biện pháp nghệ thuật tả tâm trạng trong đoạn trích để viết một đoạn văn (hoặc thơ) ngắn miêu tả một nỗi buồn hay niềm vui của bản thân anh (chị).

(1) *Gió đông* : (đông phong) gió mùa xuân.

(2) *Nghìn vàng* : lòng thương nhớ, trân trọng quý như nghìn vàng.

(3) *Non Yên* : núi Yên Nhiên. Đậu Hiến đời Hậu Hán đuổi giặc Bắc Thiên Vu đến núi Yên Nhiên, khắc đá ghi công ở đó rồi trở về. Ở đây có nghĩa là nơi chiến trận ngoài biên ải xa xôi.

(4) *Thiết tha* : (cất, mài) ở đây có nghĩa là đau đớn.